



THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ QUYỀN TRẺ EM VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

ThS. KIỀU THỊ BÍCH THỦY
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Bình đẳng giới và quyền trẻ em ở vùng dân tộc

Hiến pháp và luật pháp Việt Nam phản ánh rất rõ tính nhân văn khi tuân thủ chặt chẽ các quy định căn bản về nhân quyền để ra trong Tuyên bố toàn cầu về nhân quyền (1948) và các công ước của Liên Hợp Quốc về nhân quyền.

Việt Nam đã tham gia kí kết các văn bản luật của Liên Hợp Quốc về nhân quyền như Hiệp ước Chống phân biệt phụ nữ (PN) (1980), Hiệp ước Chống phân biệt chủng tộc (1980), Công ước quốc tế về Quyền văn hóa, xã hội, kinh tế và Công ước quốc tế về Quyền chính trị, dân sự (1982).

Đặc biệt, Việt Nam là nước Châu Á đầu tiên và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Quyền trẻ em (CRC) vào ngày 28 tháng 2 năm 1990 khi công ước này mới thông qua trong ngày 26 tháng 1 năm 1990 và cả hai Nghị định thư bổ sung của công ước này. Từ năm 2001- 2003, Việt Nam còn được bầu vào Ủy ban về nhân quyền của Liên Hợp Quốc. Theo kết luận của Ủy ban CRC đưa ra vào các năm 2003 và 2006 đã ghi nhận những kết quả và tiến bộ của Việt Nam trong việc thực hiện CRC và các Nghị định thư Không bắt buộc của Công ước.

Nhiều văn bản quy phạm pháp luật có đề cập đến quyền tham gia của trẻ em. Trong số các văn bản chính thức có Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em (2004), Bộ Luật Tố tụng dân sự (2004), Luật Hôn nhân và Gia đình (2000), Bộ Luật Hình sự (2003), và Luật Khiếu nại và Tố cáo (2005).

Trong giáo dục liên quan đến quyền trẻ em, các văn bản quy phạm pháp luật chính bao gồm: Luật Phổ cập Giáo dục Tiểu học năm 1991 (đã đạt được), Luật Giáo dục năm 2009 và Chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010 nhằm mục tiêu duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và đạt được phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010.

Vấn đề bình đẳng giới ở Việt Nam cũng được xem như là một trong những mục tiêu quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước. Vấn đề bình đẳng giữa nam và nữ đã được khẳng định trong Hiến pháp đầu tiên của Việt nam và trong Hiến pháp sửa đổi năm 1992. Bình đẳng giới vẫn đang là một mục tiêu lớn của Chính phủ Việt Nam, của tư tưởng Hồ Chí Minh. Việt Nam đã có những chính sách tiến bộ về giới, những chính sách này được đề cập trong

nhiều bộ luật và hiến pháp như Hiến pháp năm 1946, Luật Hôn nhân và Gia đình (1959, 1986), Luật Quốc tịch, Bộ Luật Lao động, Pháp lệnh Thừa kế và Bộ Luật Hình sự...

Ngày 29/7/1980 Việt Nam đã kí Công ước và phê chuẩn vào ngày 17/2/1982. Việt Nam là nước thứ 6 kí và nước thứ 35 phê chuẩn Công ước. Có thể nói, Công ước Xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với PN (CEDAW) vào Việt Nam không gặp nhiều trở ngại lớn. Bởi lẽ, vấn đề bình đẳng giới không phải là vấn đề hoàn toàn mới mẻ đối với Việt Nam. Nói một cách khác, Việt Nam có sẵn cơ sở kinh tế - xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận CEDAW.

Đặc biệt, ngày 29 - 11 - 2006, Quốc hội đã thông qua Luật về Bình đẳng giới (số 73/2006/QH11). Trong điều Luật đã đề cập tới giới và bình đẳng giới như sau: "Giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội" và "Bình đẳng giới là đề cập tới việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó". Luật cũng đưa ra các nguyên tắc như nam, nữ bình đẳng trong các lĩnh vực, không bị phân biệt đối xử về giới, quy định trách nhiệm của các cơ quan, của mọi người dân trong việc thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới. Trường học là nơi được đặt trên vai trọng trách lớn lao trong việc xây dựng và định hình quá trình tư duy của học sinh cũng như đặt nền tảng cho quan điểm của các em về khuôn mẫu giới và vai trò giới. Vì vậy, trường học phải có trách nhiệm giúp học sinh tiếp cận một nền giáo dục có chất lượng, dựa trên các nguyên tắc về quyền vốn bắt rễ từ nguyên tắc bình đẳng giới.

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ lớn cho trẻ em trong thời gian khá ngắn và đã được cộng đồng thế giới công nhận. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận trẻ em và trẻ vị thành niên ở Việt Nam tiếp tục sống trong điều kiện chưa bình đẳng quyền giữa các nhóm trẻ em: quyền được hưởng dịch vụ y tế có chất lượng, quyền được tiếp cận giáo dục có chất lượng, quyền được ăn, mặc và ở đầy đủ. Theo báo cáo phân tích về tình hình trẻ em ở Việt Nam của UNICEF (2010), người dân tộc thiểu số (DTTS) vẫn là nhóm người nghèo nhất và ít được hưởng lợi nhất từ sự phát triển kinh tế của quốc gia. Nghèo đói vẫn

khiến một số trẻ em bỏ học, sống lang thang hoặc tham gia vào các hành vi có nguy cơ để kiếm sống.

Về vấn đề bình đẳng giới, theo báo cáo đánh giá của Ngân hàng Thế giới và Bộ Lao động - thương binh và xã hội 2011, Việt Nam đã có những bước chuyển biến to lớn về bình đẳng giới nhưng vẫn tồn tại những chênh lệch quan trọng về giới: PN vùng DTTS là một trong những nhóm người chịu bất lợi nhiều nhất, thù lao thấp, điều kiện lao động thấp kém, làm công việc không chính thức (việc nội trợ nhà), không được trả lương và ghi nhận.

2. Hoạt động của ngành giáo dục trong việc thực hiện quyền trẻ em và bình đẳng giới ở vùng dân tộc

Ngành Giáo dục đã giao cho Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc thực hiện một số dự án hợp tác với quốc tế nhằm thực hiện quyền trẻ em và bình đẳng giới ở vùng dân tộc. Kết quả thu được là:

2.1. Dự án Xóa mù chữ và dạy nghề cho trẻ em gái và phụ nữ dân tộc thiểu số

Dự án thực hiện trong giai đoạn từ năm 1998 đến năm 1999, và được tài trợ bởi Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP).

Mục tiêu của dự án là: xây dựng mô hình giáo dục sáng tạo, đáp ứng các nhu cầu, hoàn cảnh của PN và trẻ em gái (TEG) vùng DTTS. Trên cơ sở đó, mô hình này sẽ góp phần làm giảm tỉ lệ mù chữ, cung cấp kiến thức, kĩ năng sống và giáo dục về giới cho PN và TEG.

Để thực hiện mục tiêu đã đặt ra, **dự án có những hoạt động chính sau:**

- Tổ chức dạy học tại trung tâm giáo dục TEG và PN vùng DTTS ở 2 tỉnh Yên Bái và Vĩnh Phú (Vĩnh Phúc và Phú Thọ hiện nay);
- Biên soạn một số tài liệu nhằm giáo dục sức khỏe và sinh sản, vệ sinh PN, phòng chống các tệ nạn xã hội...;
- Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, những tư liệu cần thiết cho trung tâm giáo dục TEG và PN: bàn ghế, sách tham khảo, truyện...;
- Tăng cường đào tạo năng lực cho các cán bộ trung tâm giáo dục TEG và PN thông qua các khóa tập huấn;
- Xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy và học tại trung tâm;
- Thực hiện hình thức riêng biệt của trung tâm: kết hợp dạy chữ với việc dạy nghề;
- Cung cấp những kiến thức thực hành sản xuất, phát triển mô hình VAC, sinh kế cho PN vùng DTTS;
- Cung cấp kiến thức về giới, sức khỏe sinh sản, vệ sinh cá nhân;
- Củng cố các kĩ năng xóa mù chữ và dạy nghề thông qua các hoạt động giáo dục tiếp tục.

Qua các hoạt động trên, dự án đã chứng minh được tính phù hợp và đáp ứng một số nhu cầu thực tế ở những điểm sau:

- Ý tưởng của các dự án này hoàn toàn phù hợp và giải quyết được sự mâu thuẫn, đó là: PN và TEG vùng DTTS có tỉ lệ mù chữ cao trong gia đình, ít có cơ hội học tập, nhưng lại phải là lực lượng lao động chính;

- Đưa ra một phương pháp mới, phù hợp nhằm giảm tỉ lệ mù chữ ở PN và góp phần nâng cao năng lực và giúp họ cải thiện kinh tế gia đình;

- Mô hình giáo dục - xóa mù chữ kết hợp với dạy nghề - là một mô hình mới và hoàn toàn phù hợp cho việc dạy chữ trong hoàn cảnh của PN người DTTS. Mô hình này đã cung cấp cho PN và TEG kiến thức, kĩ năng để cải thiện chất lượng cuộc sống của họ, chẳng hạn như:

- + Nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, bảo vệ bà mẹ trẻ em, chăm sóc sức khỏe PN và TEG;
- + Xóa mù chữ cho PN và TEG, tạo cơ hội học tập cho PN và TEG vùng DTTS;
- + Nâng cao kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, phát triển sinh kế;
- + Trên cơ sở thay đổi về nhận thức và hiểu biết thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao vị thế cho PN và TEG trong gia đình và xã hội;
- + Mặc dù các dự án giáo dục TEG đã kết thúc, nhưng hiện nay, các trung tâm giáo dục TEG vẫn duy trì và hoạt động bình thường bằng nguồn ngân sách của địa phương. Nó trở thành trung tâm giáo dục cộng đồng của các xã thực hiện dự án. Các trung tâm giáo dục TEG được hình thành với trang thiết bị tương đối đầy đủ tạo cho PN và TEG có một môi trường học tập, vui chơi và học cách làm ăn.

2.2. Dự án Giáo dục lớp ghép và song ngữ

Dự án Giáo dục lớp ghép (1991-1995) và Dự án Giáo dục lớp ghép và song ngữ giai đoạn 1996 - 2000 do UNICEF tài trợ, bắt đầu từ năm 1991 tại một số trường tiểu học thuộc 4 tỉnh miền núi, vùng DTTS với 506 học sinh, sau đó mở rộng ra 17 tỉnh thành, và đến năm 2000 đã mở rộng ra ở 39 tỉnh thành (miền núi, vùng sâu, hải đảo, biên giới, nơi điều kiện kinh tế - xã hội phát triển gặp nhiều khó khăn, vùng DTTS).

Mục tiêu của dự án là: (i) Tạo cơ hội cho mọi trẻ em đến trường đặc biệt là các trẻ em vùng DTTS, vùng khó khăn, trẻ bỏ học, TEG được học tập hết cấp tiểu học; (ii) Góp phần quan trọng và quyết định vào giữ vững kết quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở những nơi phát triển giáo dục khó khăn (vùng DTTS, vùng phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, TEG...).

**Một số hoạt động chính của Dự án liên quan đến giáo dục giới và quyền trẻ em:**

- Biên soạn hai chuyên đề: giáo dục TEG (chuyên đề 10) và giáo dục Kỹ năng sống (chuyên đề 11)
- Tập huấn cho giáo viên về giáo dục TEG, quyền trẻ em, quyền tham gia của trẻ em.
- Biên soạn tài liệu học tập và tập huấn cho giáo viên, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận với giáo dục cơ bản có chất lượng, được huy động tham gia vào học tập tích cực;
- Biên soạn một số tài liệu song ngữ, kỹ năng sống, phòng tránh tai nạn thương tích, giáo dục hoà nhập...

Thành tựu của dự án:

- Dự án đã đưa giáo dục đến với trẻ em thiệt thòi, trẻ em sống ở những vùng DTTS, vùng xa xôi hẻo lánh, vùng dân cư thưa thớt, vùng sâu, hải đảo, tạo cơ hội cho mọi trẻ em đến trường đặc biệt là các trẻ em vùng DTTS, vùng khó khăn, trẻ bỏ học, TEG được học tập hết cấp tiểu học. Góp phần quan trọng và quyết định vào giữ vững kết quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở những nơi phát triển giáo dục khó khăn (vùng DTTS, vùng phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, TEG). Cụ thể:

+ Sau 10 năm hoạt động qua 2 chu kì (1991-1995 và 1996 - 2000), dự án đã tạo điều kiện đi học và đảm bảo phổ cập cho gần 1,4 triệu học sinh tiểu học, trong đó tỉ lệ học sinh dân tộc chiếm 71,5%; tỉ lệ học sinh nữ chiếm 44,4%;

+ Năm học 1990 - 1991, mới chỉ có 4 tỉnh tham gia dự án lớp ghép, với 20 lớp và 506 học sinh. Đến năm học 1999 - 2000 đã có 39 tỉnh tham gia với số lớp là 7.711 và số học sinh là 165.000 em. Số lớp giáo dục song ngữ cũng tăng lên con số 2.972 lớp với 95.000 học sinh.

- Đổi mới phương pháp dạy học (dạy học tích cực, các kĩ thuật dạy học tích cực nhằm đảm bảo chất lượng học tập của học sinh. Đổi mới nội dung và phương pháp bồi dưỡng giáo viên để giúp giáo viên tổ chức, điều hành quá trình học tập của từng học sinh trong lớp ghép có nhiều trình độ, nhiều độ tuổi khác nhau (bộ các tài liệu dành cho học sinh và giáo dục, bồi dưỡng giáo viên, dạy học song ngữ cho học sinh DTTS, đổi mới quản lí giáo dục). Kết quả đạt được như sau:

+ Chất lượng, số học sinh khá giỏi của lớp ghép ngày càng tăng, số học sinh yếu giảm. Năm 2000, tỉ lệ học sinh khá giỏi trong lớp ghép đạt 34%. Tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm từ 6,7% còn 2,3%. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học tăng, đạt chung tới 97,6%, cao hơn lớp đơn 1,5%.

+ Từ năm 1998 đến năm 2000, ở nhiều tỉnh, học

sinh lớp ghép tốt nghiệp tiểu học đạt 100%.

2.3. Dự án Giáo dục tiểu học bạn hữu trẻ em

Dự án Giáo dục Tiểu học bạn hữu trẻ em được thực hiện qua 2 giai đoạn 2001 – 2005 và 2006 - 2010. Dự án được thực hiện từ nguồn vốn tài trợ của UNICEF và là sự tiếp nối phát triển của dự án giáo dục lớp ghép và song ngữ.

Mục tiêu chung của dự án: Thực hiện đến cuối năm 2010, trẻ em ở độ tuổi tiểu học, đặc biệt các em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em thiệt thòi (bao gồm cả trẻ em DTTS) sẽ được học tập và hoàn thành bậc tiểu học trong các trường bạn hữu trẻ em hoạt động hiệu quả, chất lượng và công bằng. Các mục tiêu cụ thể của dự án:

- Các nhà hoạch định chính sách, quản lí giáo dục ở các cấp, giáo viên và người dân tộc ở cộng đồng hiểu và hỗ trợ khái niệm " môi trường học tập bạn hữu trẻ em" và áp dụng mô hình này vào các trường;

- Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được vui chơi học tập và tích cực tham gia vào các hoạt động trong các trường học bạn hữu trẻ em, khỏe mạnh, an toàn và chất lượng;

- Mô hình mới trường học bạn hữu trẻ em được thiết lập, củng cố và đánh giá tại các trường nằm trong dự án.

Một số hoạt động chính liên quan đến quyền trẻ em và giới:

- Xây dựng môi trường học tập bạn hữu trẻ em trên cơ sở quyền trẻ em: phát triển tài liệu về quyền trẻ em; tổ chức tập huấn cho giáo viên, cộng đồng nhằm tăng cường sự tham gia của trẻ trong giáo dục;

- Thực hiện nghiên cứu chuyển tiếp từ tiểu học lên trung học cơ sở của TEG người DTTS. Nghiên cứu được thực hiện tại 3 tỉnh: Lao Cai, Gia Lai và Trà Vinh, trên đối tượng TEG thuộc 4 nhóm DTTS: Mông, Khmer, Ê Đê và Bahna;

- Biên soạn Chuyên đề Giới và Quyền trẻ em (chuyên đề 1); tập huấn chuyên đề cho giáo viên; phát triển Sổ tay truyền thông về trường học bạn hữu, quyền trẻ em;

- Tổ chức diễn đàn cho trẻ em " Lắng nghe trẻ em nói về trường học bạn hữu", "Tuần lễ chủ động về phòng chống tai nạn, thương tích".

Thành tựu của dự án:

- Xây dựng được môi trường học tập bạn hữu trẻ em. Đó là môi trường học tập mà ở đó quyền trẻ em là hạt nhân cơ bản xuyên suốt và chi phối các yếu tố. Mọi hoạch định và quyết định đều dựa trên lợi ích của trẻ em;

- Môi trường học tập bạn hữu trẻ em cũng là môi trường học tập tôn trọng sự hoà nhập và bình đẳng giới. Khi ở nhà, trẻ nhận được sự chăm sóc, yêu thương của người thân và được tạo điều kiện

học tập... Ở trường, trẻ được vui vẻ, tích cực tham gia các hoạt động học tập, vui chơi và nhận được sự khích lệ từ thầy cô, bạn bè và người lớn... Trong làng bản/cộng đồng, trẻ nhận được sự quan tâm, chăm lo, giúp đỡ của mọi người... Ở đâu trẻ cũng nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện tốt nhất trong khả năng và điều kiện có thể của mỗi gia đình, nhà trường và cộng đồng;

- Tạo nên một sự gắn kết giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng trong việc tạo nên một môi trường học tập bạn hữu trẻ em mà ở đó trẻ em được đảm bảo các yếu tố: lành mạnh, thân thiện, an toàn, vệ sinh, sức khoẻ (thể chất và tinh thần), hiệu quả.

3. Kết luận

Qua các hoạt động của chương trình có thể rút ra một số kết luận như sau:

- Dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế, bình đẳng giới, thực hiện quyền trẻ em cho PN và trẻ em miền núi, vùng dân tộc nói chung, đặc biệt là TEG người DTTS đã được thực hiện. Trẻ em DTTS, trong đó TEG được tiếp cận với giáo dục và giáo dục có chất lượng, được hưởng môi trường học tập bạn hữu, an toàn và thân thiện;

- Hai mô hình được hình thành: (i) Mô hình tổ chức dạy và học ở trung tâm giáo dục TEG và PN vùng DTTS; (ii) Mô hình trường học bạn hữu trẻ em. Hai mô hình này đã được kiểm nghiệm qua thực tế và chứng minh tính phù hợp và vai trò to lớn của nó trong việc thực hiện các mục tiêu của thiên niên kỉ, đảm bảo quyền cho PN và trẻ em;

- Giới hạn ở các địa bàn dự án: chỉ có những địa phương thực hiện dự án thì PN và trẻ em, TEG mới được hưởng lợi từ dự án. Thậm chí cùng trong tỉnh, huyện tham gia dự án thì số trường/ xã tham gia dự án cũng còn rất nhỏ so với tổng số trường tiểu học trong toàn quốc;

- Ngoài nghiên cứu tỉ lệ chuyển tiếp từ tiểu học lên trung học cơ sở của TEG vùng DTTS, chưa có một nghiên cứu khảo sát thực tế nào riêng về vấn đề bình đẳng giới, quyền trẻ em cho vùng dân tộc, miền núi, hoặc cho các nhóm DTTS; đồng thời, cũng như chưa có những hoạt động chuyên sâu về vấn đề này cho trẻ em và PN người DTTS;

- Trong thời gian tới, ở vùng dân tộc cần có những nghiên cứu, khảo sát về việc thực hiện bình đẳng giới và quyền trẻ em ở vùng dân tộc và miền núi. Dựa trên kết quả của nghiên cứu phát hiện những bất cập trong vấn đề bình đẳng giới và quyền trẻ em cho PN và TEG người DTTS; tìm hiểu các nguyên nhân của những bất cập này trên cơ sở đó để xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và quyền trẻ em cho các nhóm DTTS khó khăn, chịu nhiều thiệt thòi;

- Tiếp tục huy động các nguồn viện trợ, phát triển, nhân rộng hai mô hình đã được tổng kết qua thực hiện, nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và quyền trẻ em ở những vùng dân tộc khó khăn, đặc biệt với các nhóm dân tộc rất ít người. Phát triển các tài liệu để thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và quyền trẻ em trong trường học và ở các địa phương miền núi, vùng dân tộc. Bồi dưỡng các chuyên đề về giáo dục bình đẳng giới và quyền trẻ em cho cộng đồng, giáo viên, cán bộ quản lí vùng DTTS.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam – Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục dân tộc, *Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở vùng dân tộc*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo – Dự án giáo dục tiểu học bạn hữu trẻ em, *Sổ tay truyền thông về môi trường học tập bạn hữu trẻ em*, Hà Nội, 2007.

3. Bộ Giáo dục và đào tạo – *Dự án lớp ghép và song ngữ ở trường TH Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2000.

4. Bộ Giáo dục và đào tạo – Dự án tiểu học bạn hữu trẻ em, *Dạy và học lớp ghép hiệu quả*, Hà Nội, 2003.

5. *Báo cáo Phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010*, UNICEF, 2010.

6. *Nghiên cứu về thực hiện quyền trẻ em trong khuôn khổ chính sách, pháp luật và việc thực thi liên quan đến các chương trình của Plan tại Việt Nam*, Plan, 2010.

7. *Báo cáo quốc gia lần thứ ba và thứ tư Việt Nam thực hiện Công ước quốc tế Quyền trẻ em giai đoạn 2002 - 2007*, Hà Nội, 2008.

8. *Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em*.

9. *Đánh giá Giới*, Ngân hàng Thế giới, 2011.

SUMMARY

Gender equality and children rights in ethnic minority areas are one of the important objectives of the country development. The education sector has assigned tasks to the Research Center for Ethnic Minority Education to carry out a couple of international cooperation projects aiming at exercising children rights and gender equality in ethnic minority areas. Of these, the interventions related to women and girls in ethnic minority areas are mostly focused. The article mentions three projects, i.e. Literacy and Vocational Education for Ethnic Minority Women and Girls in Vietnam, Multi-Grade and Bilingual Education Project, Children's Friends - Primary Education Project. Each of these projects has gained certain achievements and made significant contributions to building the best possible living and learning environments for ethnic minority women and girls.